

Số: /SNN&PTNT-PTNT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

V/v báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT trên địa bàn tỉnh và Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 10236/STNMT-BVMT ngày 19/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT trên địa bàn tỉnh và Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 05 và Kết luận số 2073

Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh và Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động toàn đơn vị; đồng thời phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan chủ động tham mưu tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, các hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về BVMT:

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp tổ chức được 762 hội nghị tuyên truyền với gần 13.500 lượt người tham gia; tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh 492 lần; phối hợp với Tỉnh đoàn Thanh Hóa triển khai Hội thi truyền thông BVR, PCCCR và phát động phong trào trồng, bảo vệ cây xanh năm 2022 tại huyện Ngọc Lặc; tổ chức 45 hội nghị đối thoại với nhân dân về công tác kiểm lâm thông qua Diễn đàn “Kiểm lâm lắng nghe ý kiến nhân dân”; phối hợp Đài PTTH tỉnh xây dựng và phát sóng 03 phóng sự về hoạt động BVR.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày quốc tế Đa dạng sinh học; tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày môi trường thế giới 05/6; tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, với nhiều hoạt động thiết thực như treo băng zôn, khẩu hiệu hưởng ứng, dọn dẹp vệ sinh, làm sạch cơ quan, công sở, trồng cây phân tán, cây bóng mát.

2.2. Công tác quản lý nhà nước về BVMT:

a) Lĩnh vực chăn nuôi:

Về hoạt động chăn nuôi, hiện nay tỉnh Thanh Hóa có 69 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi quy mô lớn trong đó có các doanh nghiệp chăn nuôi lớn có vốn đầu tư nước ngoài như: Công ty chăn nuôi C.P, CJ, Japfa comfeed, Golden, Mavin, Newhope hình thành chuỗi chăn nuôi theo hình thức gia công, đang đem lại hiệu quả cao cho người chăn nuôi khi tham gia vào chuỗi liên kết; các doanh nghiệp chăn nuôi lớn trong nước đầu tư xây dựng các dự án lớn trong lĩnh vực chăn nuôi gắn với nhà máy chế biến hoặc giết mổ như: Tập đoàn Vinamilk, Tập đoàn TH True milk, Tập Đoàn Hòa Phát, Tập Đoàn DABACO, Công ty RTD, Công ty Phú Gia, 3F...; Nhà máy giết mổ gia cầm Viet Avis hoạt động với công suất 2.500 con/giờ.

- Toàn tỉnh có 47 khu/cụm trang trại chăn nuôi tập trung, các khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã hình thành và phát triển đáp ứng đúng theo quy hoạch vùng và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn gắn với sự phù hợp yếu tố vị trí, địa hình, kinh tế và xã hội của địa phương.

- Năm 2022, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 05 dự án chăn nuôi lợn và gà công nghệ cao (trong đó: 03 dự án chăn nuôi lợn và 02 dự án chăn nuôi gà) với tổng mức đầu tư đạt 650 tỷ đồng, với quy mô chăn nuôi: 10.800 lợn nái, 48.000 lợn thịt/năm, 96.000 lợn con/năm; 1,45 triệu con gà thịt.

b) Lĩnh vực thủy sản: Đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực khai thác thủy sản: 320 tàu cá trang bị máy thông tin liên lạc tầm xa VX1700 kết nối định vị vệ tinh GPS, 1.110 tàu lắp đặt thiết bị giám sát hành trình nhằm phát triển kinh tế thủy sản bền vững, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá của ngư dân hoạt động trên biển; kết hợp tốt giữa phục vụ khai thác và tìm kiếm cứu nạn; giúp ngư dân yên tâm vươn khơi bám biển. Có gần 50 tàu cá lắp máy dò ngang sonar, đánh giá kết quả cho thấy giúp tăng hiệu quả khai thác lên tới 30% so với trước kia. Có 39 tàu cá thực hiện nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản bằng vật liệu Polyurethane foam được hỗ trợ với tổng kinh phí là 5,421 tỷ đồng, nâng lên gần 30% tổng số tàu cá xa bờ được lắp đặt hầm bảo quản theo công nghệ mới; giúp giảm hao hụt nước đá, giảm chi phí cho các chuyên đi biển; giúp ngư dân khai thác hải sản ở những ngư trường xa hơn, tăng thời gian chuyên biển. Chất lượng sản phẩm hải sản đánh bắt tốt hơn so với trước khi làm hầm bảo quản do đó giá bán được nâng lên, nâng cao hiệu quả khai thác, góp phần nâng cao đời sống cho ngư dân. Ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác thủy sản xa bờ đã góp phần rất lớn trong nâng cao sản lượng và giá trị sản phẩm khai thác.

c) Lĩnh vực lâm nghiệp: Lực lượng Kiểm lâm (Chi cục Kiểm lâm) đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp QLBR, quản lý lâm sản, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng buôn bán, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, công tác quản lý cửa xăng, quản lý gỗ làm nhà tại các huyện trọng điểm về an ninh rừng. Kết quả trong năm 2022 đã phát hiện và xử lý 279 vụ vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, thu nộp ngân sách nhà nước 4.352.733.000 đồng; phối hợp với các cơ quan chức năng khởi tố 05 vụ án hình sự..

2.3. Kết quả BVMT các khu vực theo chức năng quản lý nhà nước của đơn vị:

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, Chi cục Kiểm lâm hiện đang quản lý 160 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã với 11.731 cá thể của 22 loài (trong đó 122 cơ sở động vật quý, hiếm với 10.157 cá thể, 38 động vật thông thường với 1.574 cá thể); 28 cơ sở trồng cây thực vật hoang dã trên địa bàn toàn tỉnh; các cơ sở đều thực hiện đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở cũng như khu vực xung quanh.

2.4. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 05 và Kết luận số 2073-KL/TU (Có Phụ lục gửi kèm).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Chỉ tiêu nước sinh hoạt là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và được các địa phương quan tâm. Tuy nhiên, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tín dụng, nguồn ngân sách Trung ương, vốn từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới bố trí cho đầu tư cho công trình cấp nước tập trung còn hạn chế, chưa cân đối được vốn ngân sách địa phương (các địa phương thường ưu tiên đầu tư cho cơ sở hạ tầng như: công sở, trường học, đường giao thông...). Trong khi định hướng xã hội hoá lĩnh vực nước sạch của tỉnh hiện nay mới thu hút chưa nhiều các doanh nghiệp tham gia và chủ yếu tập trung tại các vùng đồng bằng có điều kiện cấp nước thuận lợi, dân trí cao;

- Tại một số địa bàn trọng điểm, việc khai thác, xâm lấn rừng nhỏ lẻ còn xảy ra, nguy cơ cháy rừng còn tiềm ẩn;

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, đối với tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế chưa bền vững do vẫn còn nhiều hộ dân sử dụng máy lọc nước hộ gia đình, chưa tiếp cận với nước sạch tập trung;

- Tình trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm xen kẽ trong các khu dân cư trên địa bàn các huyện miền núi hiện nay vẫn còn tồn tại do phát triển kinh tế hộ của sản xuất nhỏ vẫn phải duy trì để bảo đảm đời sống hộ gia đình và bảo đảm an sinh xã hội trong cộng đồng cư dân miền núi. Việc xử lý chất thải, nước thải không triệt để sẽ trở thành ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn;

- Một số ít hộ dân khu vực miền núi cao, vùng sâu còn tồn tại tập quán chăn nuôi thả rông, phương thức chăn nuôi này không kiểm soát chất thải chăn nuôi, gây ô nhiễm môi trường;

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan:

- Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho phát triển lâm nghiệp chủ yếu là vốn hỗ trợ ngân sách Trung ương thông qua Chương trình Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng nên nguồn vốn còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được các mục tiêu phát triển lâm nghiệp theo quy hoạch và kế hoạch;

- Hiệu quả kinh tế và cạnh tranh của cây lâm nghiệp so với các ngành kinh tế và các loại cây trồng khác còn thấp;

- Công tác tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức chưa đáp ứng được nhu cầu do địa bàn rộng, xa xôi; nguồn vốn phân bổ từ Chương trình Nông thôn mới còn hạn chế và chủ yếu tập trung cho một số xã đăng ký về đích nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Công tác quản lý sử dụng và bảo quản các nhà vệ sinh hộ gia đình của nhiều hộ dân chưa được chú trọng, nên một số công trình đưa vào sử dụng trong thời gian chưa lâu thì đã hư hỏng hoặc không đảm bảo vệ sinh - Những khó khăn, tồn tại, hạn chế.

2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Chính quyền cơ sở có nơi chưa quan tâm đầy đủ đến chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp và quản lý bảo vệ rừng, năng lực tham mưu quản lý của các cán bộ lâm nghiệp xã, huyện, Ban quản lý vẫn còn hạn chế;

- Một số chủ rừng chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định pháp luật về BVPTTR, sử dụng kinh doanh rừng, quản lý bảo vệ rừng;

- Hàng năm, các khu vực đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng bãi ngang ven biển là nơi chịu tác động trước thiên tai, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn. Nhu cầu về nước sạch và VSMT ở khu vực này rất lớn, trong khi đó đời sống khó khăn, khả năng tham gia đóng góp của người dân cho công tác nước sạch và VSMT rất hạn chế;

- Nhận thức của nhân dân các vùng nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi dân tộc thiểu số mặc dù đã có chuyển biến tuy nhiên còn nhiều hạn chế, một số nơi vẫn còn những tập quán lạc hậu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường, gắn với nhiệm vụ chính trị được giao trên tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và

Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, đạt được nhiều kết quả tích cực.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG NĂM 2023

I. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

- Nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2023 đạt 97,5%, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn của Bộ Y tế ước đạt 62%;

- Đến năm 2023: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, trong đó: chăn nuôi lợn 75%, gia cầm 65%, trâu bò 50% số chăn nuôi nông hộ;

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Giữ vững an ninh rừng “tại gốc”, không để xảy ra “tụ điểm”, “điểm nóng”, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy rừng và thiệt hại do cháy rừng gây ra; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của rừng, phát huy các sản phẩm lâm nghiệp chủ lực của tỉnh; chuyển dịch nền sản xuất lâm nghiệp từ phát triển theo số lượng sang nền sản xuất gắn với chế biến nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn sản xuất với tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm; đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; tăng cường thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Định hướng đến năm 2025

Phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị gắn với công tác bảo vệ môi trường, góp phần hoàn thành 100% các chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra đến năm 2025 theo nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT.

II. GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt tại cấp xã và mọi tầng lớp nhân dân đối với công tác bảo vệ môi trường. Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền khác nhau, mang tính quần chúng, dễ tiếp cận, dễ hiểu nhằm đem lại hiệu quả cao nhất;

2. Phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đài truyền hình, cơ quan báo chí bằng các chuyên mục, trang tin, phóng sự thực tế để cung cấp thông tin cho người dân, hộ chăn nuôi nắm được các quy định của pháp luật về môi trường trong chăn nuôi;

3. Phân công trách nhiệm tập thể và cá nhân rõ ràng để triển khai, thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo Nghị quyết 05-NQ/TU của Ban chấp hành

Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch hành động số 135/KH-UBND ngày 15/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Các ngành chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề, chú trọng các địa điểm, khu vực thường xảy ra vi phạm; tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin để có thể ứng phó, ngăn chặn kịp thời các tình huống xảy ra trong công tác bảo vệ môi trường.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Ưu tiên bố trí kinh phí từ các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình PTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đầu tư cho các địa phương có tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch đạt thấp, đặc biệt là các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng bị thiệt hại nặng nề do mưa lũ. Qua đó góp phần và việc hoàn thành mục tiêu về nước sạch của tỉnh;

2. Tiếp tục bố trí kinh phí sự nghiệp của các Chương trình MTQG cho lĩnh vực nước sạch nông thôn nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

3. Bổ sung cơ chế áp dụng các biện pháp lâm sinh làm giàu rừng như: chặt nuôi dưỡng, khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung hoặc tía thưa đối với diện tích rừng tự nhiên có chất lượng thấp, rừng nghèo, cây gỗ không có giá trị, cây tái sinh phi mục đích; có cơ chế cho phép khai thác cây trồng phù trợ, cải tạo các diện tích rừng trồng phòng hộ do các dự án đầu tư nhưng chất lượng thấp, không thành rừng để giúp các hộ gia đình tăng thu nhập, chủ động trong công tác bảo vệ phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Cường

Phụ lục
TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỤ THỂ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
THEO NGHỊ QUYẾT 05-NQ/TU

STT	Mục tiêu cụ thể	Kết quả đến năm 2022		Dự báo đến hết năm 2025
1	Giảm cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường			
1.1	Hộ chăn nuôi ở nông thôn có chuồng trại hợp vệ sinh	92.400 hộ chăn nuôi lợn; 503.570 hộ chăn nuôi gia cầm; 72.540 hộ chăn nuôi bò; 86.380 hộ chăn nuôi trâu	64.680 hộ chăn nuôi lợn; 302.150 hộ chăn nuôi gia cầm; 32.640 hộ chăn nuôi bò; 38.870 hộ chăn nuôi trâu	Dự kiến đến hết năm 2025 chăn nuôi nông hộ giảm khoảng 30% số cơ sở chăn nuôi đối với lợn, 25%, trâu bò giảm khoảng 15%
2	Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái, cải tạo điều kiện sống của người dân			
2.1	Dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	96,6% (58,4% nước sạch)		98,5% (65% nước sạch)
3	Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học			
3.1	Tỷ lệ che phủ rừng	53,6 %		54,00%
3.2	Diện tích các khu rừng ngập mặn	926,06 ha		